



Lĩnh vực can thiệp kỹ thuật: TIA-B

Xây dựng Mạng lưới, Điều phối và Hợp tác: Quy trình thiết yếu để thiết lập các biện pháp lồng ghép và tổng thể Phòng Chống Buôn bán Phụ nữ Trẻ em

1 Bối cảnh

Việc xây dựng mạng lưới và điều phối là thiết yếu đối với những trường hợp sau đây:

- Khi làm việc về các vấn đề mang tính phức tạp đa chiều, bao gồm vấn đề buôn bán phụ nữ trẻ em;
- Khi xác lập quyền làm chủ thông qua quá trình có sự tham gia của người dân;
- Khi nhằm thiết lập một môi trường thuận lợi cho dự án triển khai các hoạt động can thiệp hỗ trợ trực tiếp tại những khu vực đã được lựa chọn;
- Khi lập kế hoạch tổng thể và xây dựng chính sách và tìm nguồn kinh phí bổ sung.
- Khi hoạt động trong môi trường (cạnh tranh) với nhiều bên tham gia khác có thể bổ sung hỗ trợ lẫn nhau trong công việc;
- Khi hướng tới nhân rộng và lồng ghép những bài học kinh nghiệm tốt;

Bởi vì dự án phòng chống BBPNTTE áp dụng phương pháp tiếp cận dựa trên quy trình, làm việc hướng tới tính bền vững và dự án không thể tự thành công, do vậy cần có sự phối hợp và liên kết giữa cán bộ dự án với các cơ quan đối tác.

2 Loại hình mạng lưới

Có rất nhiều kiểu mạng lưới, có thể phân loại mạng lưới theo hội viên, phạm vi địa lý, những hoạt động chính, mục tiêu, chiều ngang hay chiều dọc, và cơ cấu (chính thức hay không chính thức). Các mạng lưới được hình thành do có mục tiêu chung hay sở thích chung và được duy trì thông qua một số dạng giao tiếp, thông tin liên lạc. Hầu hết các mạng lưới đều có mục tiêu đầu tiên là chia sẻ thông tin, trong khi một số khác có mục tiêu xa hơn là cải thiện mối quan hệ hợp tác giữa các cơ quan với nhau – bao gồm cùng lập kế hoạch, cùng triển khai hoạt động can thiệp và xây dựng chương trình làm việc chung.

3 Lợi ích của việc xây dựng mạng lưới

- Cùng nhau đối phó với những vấn đề lớn và đa chiều mà riêng một mình không thể giải quyết được;
- Chia sẻ công việc;
- Hạn chế sự chồng chéo và lãng phí nguồn lực;
- Tạo ý thức đoàn kết, ủng hộ về mặt tinh thần và tâm lý;
- Mở rộng hiểu biết vấn đề bằng cách tập hợp các bên tham gia khác nhau;
- Thúc đẩy trao đổi ý tưởng, quan điểm, kinh nghiệm và kỹ năng;
- Thúc đẩy vận động chính sách;
- Tác động đến những người khác – trong và ngoài mạng lưới;

- Huy động nguồn tài chính (với những điều kiện nhất định);
- Tìm cơ hội phối hợp và hợp tác có hiệu quả;

4 Bắt đầu một mạng lưới

Nhìn chung, trước khi bắt đầu xây dựng một mạng lưới, cần trả lời những câu hỏi sau đây:

- Các thành viên có phải đối mặt với những khó khăn và trở ngại chung cụ thể không và họ có nhận thức được điều này không?
- Có những kết quả/kinh nghiệm liên quan nào có thể chia sẻ được không?
- Các thành viên có hiểu được mạng lưới là gì không và có ý nghĩa gì với họ không?
- Họ có sẵn sàng bỏ thời gian và công sức cần thiết để chia sẻ và xây dựng mạng lưới bằng chi phí của chương trình riêng của họ không?
- Giữa các thành viên có sự cởi mở để cho phép họ chấp nhận sai sót không?

8 bước để xây dựng và duy trì một mạng lưới:

1. Nêu mục đích (hay lý do duy trì một mạng lưới);
2. Xác định các mục tiêu;
3. Xây dựng một kế hoạch hành động;
4. Xây dựng những nguyên tắc cơ bản;
5. Xác định một quá trình đưa ra quyết định;
6. Lựa chọn một cơ cấu tổ chức;
7. Xây dựng một kế hoạch thông tin liên lạc;
8. Bảo đảm nguồn lực (tài chính, con người, nguyên liệu; thời gian).

5 Hướng dẫn chung đối với các Mạng lưới

- *Mục tiêu.* Cần rà soát lại mục tiêu của mạng lưới định kỳ để đánh giá tiến độ đã đạt được và xem những mục tiêu đó vẫn còn phù hợp hay không. Các mạng lưới cần được chuẩn bị để tiến triển theo thời gian và thay đổi mục tiêu do tình hình thay đổi và đã đạt được các mục tiêu ban đầu.
- *Các hoạt động cụ thể.* Sức mạnh của một mạng lưới có thể được duy trì bằng cách tham gia nhiệt tình vào các hoạt động cụ thể, những hoạt động mà cho phép các thành viên chia sẻ và tác động lẫn nhau.
- *Nhóm nòng cốt.* Do mỗi người đều bận bịu với công việc hàng ngày của mình nên cần có một nhóm nòng cốt làm việc cho mạng lưới. Hầu hết những mạng lưới hoạt động thành công là nhờ có một nhóm cá nhân nòng cốt.
- *Ban thư ký.* Những ban thư ký như vậy chịu trách nhiệm các vấn đề có liên quan đến hoạt động của mạng lưới và giúp duy trì mạng lưới. Cần có những phương tiện tài chính đầy đủ để những ban này hoạt động.
- *Tránh việc tập trung quyền lực bằng cách uỷ quyền.* Điều này sẽ giúp tránh được nguy cơ tập trung quyền lực, chi phối, cô lập và tham gia bị động. Các thành viên trong mạng lưới không nên mong chờ rằng mọi công việc của mạng lưới sẽ do nhóm nòng cốt thu xếp.
- *Phân quyền của các mạng lưới.* Các đơn vị trung ương cần giúp để thúc đẩy các hoạt động độc lập do thành viên mạng lưới tổ chức để không chỉ là người phổ biến thông tin. Điều này sẽ không chỉ làm tăng thêm kinh nghiệm nghiệp vụ, địa vị và trách nhiệm của thành viên, mà còn nâng cao triển vọng bền vững của mạng lưới khi đơn vị trung ương không còn hoạt động.
- *Chia sẻ, bổn phận và sự cởi mở.* Quá trình đưa ra quyết định, lựa chọn các hoạt động trong mạng lưới và phương tiện thực hiện chúng cần mang tính dân chủ và cho phép thành viên thấy được rằng họ có thể tham gia toàn bộ tiến trình.
- *Nguồn lực.* Các thành viên và cơ quan đóng góp cho mạng lưới có thể cam kết vì sự thành công của mạng lưới. Nếu một mạng lưới càng được thành viên ủng hộ thì mạng lưới đó càng mạnh hơn. Các nguồn lực hỗ trợ không cần phải bằng tiền mà có thể bằng “hiện vật”.

- *Tính hợp pháp.* Tính hợp pháp thu hút sự tham gia và thúc đẩy việc tài trợ. Có thể nâng cao tính hợp pháp bằng cách để cho những người được kính trọng tham gia vào các sự kiện, hay bằng cách công khai. Tính hợp pháp và sự công nhận có thể được thúc đẩy bằng cách sử dụng lặp lại một tên (hay từ viết tắt) để nhận biết và biểu tượng của mạng lưới.
- *Sự bổ sung và liên kết.* Các mạng lưới có thể giải quyết các vấn đề giống nhau theo những cách khác nhau. Những mạng lưới như vậy sẽ có những “chỗ trống” cần phải bổ sung.
- *Giám sát và đánh giá.* Mặc dù khó nhưng vẫn cần phải giám sát và đánh giá thường xuyên.
- *Học và dạy.* Hầu hết những người làm việc trong mạng lưới đều tự mò mẫm học tập. Những khoá đào tạo ở cấp vùng có liên quan đến việc xây dựng mạng lưới có thể có lợi.
- *Sự tham gia của đối tượng hưởng lợi.* Các mạng lưới trong nước và quốc tế có thể được hưởng lợi từ sự liên kết chặt chẽ với các mạng lưới cụ thể của mỗi vùng hay các mạng lưới trong nước lấy đối tượng hưởng lợi làm cơ sở. Đặc biệt là việc trao đổi giữa các nước với nhau có thể có giá trị. Các thành viên trong mạng lưới có thể giúp thiết lập mối liên hệ giữa các nhóm ở địa phương và thúc đẩy các hoạt động triển khai tiếp theo.
- *Tham gia vào mạng lưới và lợi ích.* Các thành viên cần có quyền lợi trong mục tiêu chung, có sự quan tâm trong các hoạt động cụ thể, có mong muốn được đóng góp, có ý thức trách nhiệm, tôn trọng đối với mạng lưới, có niềm tin tưởng vào người lãnh đạo, vào thành công và khả năng trong tương lai.

6 Những nhân tố và điều kiện ảnh hưởng đến sự năng động của mạng lưới

- *Văn hóa mạng lưới.* Các thành viên cần nhận thức được rằng họ chính là một phần của nhóm, cùng chia sẻ mục đích chung và cùng có quyền lợi cũng như trách nhiệm. Quan niệm đó cần được thừa nhận, ủng hộ và nuôi dưỡng như là cơ sở và nội dung của mạng lưới.
- *Mục tiêu rõ ràng.* Cần có thời gian để có được sự nhất trí chung giữa các thành viên về mục tiêu.
- *Mạng tính thực tế.* Không có mạng lưới nào có thể mang lại tất cả mọi thứ cho mọi người.
- *Tính phát triển:* Nhiều khi các mạng lưới được hình thành và mất đi, các thành viên có thể tăng hoặc giảm, nhưng các mục đích và mục tiêu thì luôn phát triển.
- *Tính linh hoạt.* Thay đổi về ưu tiên hoạt động trong mạng lưới khi ưu tiên của bản thân thành viên thay đổi.
- *Không cạnh tranh nhưng hợp tác.* Một điều quan trọng là mạng lưới không cạnh tranh với các thành viên.
- *Quyền làm chủ.* Nếu các thành viên không cảm thấy có quyền làm chủ thì sẽ không có sự cam kết.
- *Mối quan hệ bài xích giữa các thành viên.* Sẽ là nguy hại nếu một hay một nhóm thành viên chiếm ưu thế hơn và loại các thành viên khác ra khỏi các hoạt động.
- *Lực lượng lao động tình nguyện.* Do nguồn lực hiếm hoi nên cần có một lực lượng lao động tình nguyện từ các thành viên để giúp mạng lưới hoạt động.
- *Kiểm tra.* Khi khó thu hút được nguồn vốn tài trợ thì một mạng lưới có thể tồn tại không, thậm chí là không chính thức?
- *Thông tin liên lạc là một khó khăn phổ biến.* Cần có sự cam kết đóng góp về thời gian của nhân viên và kinh phí để chi trả chi phí thông tin liên lạc.
- *Tin tưởng lẫn nhau.*

7 Mạng lưới hoạt động như thế nào? - Một số ví dụ

7.1 Cấp quốc tế: Ví dụ của UNAIDS

Cùng với các tổ chức đồng tài trợ, cơ quan song phương và tổ chức trong khu vực, UNAIDS liên tục tăng cường nỗ lực để hỗ trợ việc xây dựng mạng lưới bằng các chiến lược sau đây:

- Xây dựng các tài liệu nguồn để cải thiện việc xây dựng mạng lưới. Ngoài ra còn thực hiện các nghiên cứu điểm về những mạng lưới và hoạt động xây dựng mạng lưới (xem phần sau và mục lục sách tham khảo).
- Mở rộng cơ sở kiến thức. Trước đây nhiều nước lo ngại về sự thiếu thốn về nguồn lực nhưng do ngày càng có nhiều nguồn kinh phí hỗ trợ kiểm soát dịch HIV/AIDS, nên mối quan tâm của họ đã chuyển sang việc lập chương trình và sử dụng có hiệu quả nguồn lực. Nhận

thấy được điều này, UNAIDS đang trang bị cho các cán bộ quản lý chương trình kiểm soát dịch AIDS quốc gia với những công cụ và kỹ thuật để phân bổ nguồn lực một cách có hiệu quả.

- Khởi xướng và hỗ trợ mạng lưới. Ban thư ký UNAIDS và các đồng tài trợ sẽ đẩy mạnh hỗ trợ các mạng lưới hiện có và khuyến khích thành lập những mạng lưới mới, nhấn mạnh vào khả năng tác động của họ đến quá trình diễn biến bệnh dịch.
- Thúc đẩy việc thông tin liên lạc để xây dựng mạng lưới. Chỗ làm việc điện tử (eWorkspace) được dành để xây dựng năng lực và tăng cường nguồn kỹ thuật cho các chương trình HIV/AIDS tại cấp tiểu vùng và khu vực. Đó là một công cụ để xây dựng, ghi chép thành tài liệu và phổ biến kịp thời những phương pháp và ví dụ nhằm đáp ứng nhu cầu hỗ trợ kỹ thuật cụ thể tại cấp quốc gia và khu vực. Chiến lược này cần đến ý kiến chuyên môn của các đồng tài trợ của UNAIDS, các tổ chức khu vực, cơ quan đối tác và các nước có liên quan.

7.2 Cấp quốc gia: Tiểu ban Xoá bỏ buôn bán phụ nữ trẻ em của Thái Lan

Về mặt cơ cấu, đây là một ví dụ tốt, có sự cam kết của chính phủ Thái Lan trong việc phòng chống buôn bán phụ nữ trẻ em. 38 uỷ viên của uỷ ban này đại diện cho tất cả các tổ chức chính phủ, phi chính phủ và cơ quan LHQ có liên quan tại Thái Lan. Uỷ ban do Tiến sĩ Saisuri Chutikul, cựu Bộ trưởng của Văn phòng Thủ tướng làm trưởng ban. Hơn 1/3 uỷ viên là đại diện của tổ chức phi chính phủ, bao gồm GATTW, ECPAT, Asianet, MRLC, NYCD, FACE, và các cơ quan của LHQ như UNCEF, ILO, và IOM. Các cơ quan chính phủ bao gồm Văn phòng Bộ trưởng, Bộ ngoại giao, Bộ nội vụ, Bộ LĐXH, Bộ Y tế, Vụ Thanh niên quốc gia, Bộ thương mại, Cục cảnh sát quốc gia, Luật sư trưởng, Cục Biên phòng, Nhập cảnh.

Các yếu tố thành công:

- Các uỷ viên đại diện cho các tổ chức chính phủ, phi chính phủ (trong nước và quốc tế) và cơ quan LHQ.
- Có nhiệm vụ rõ ràng và có sự hỗ trợ của chính phủ.
- Thực tế có hai đơn vị điều phối, một cho các tổ chức chính phủ và một cho các tổ chức phi chính phủ. Hai đơn vị này có các trang thiết bị và nguồn lực cần thiết.
- Có chương trình làm việc chung và cụ thể (chẳng hạn ủng hộ và xây dựng Biên bản ghi nhớ). Theo đó, mọi uỷ viên cũng làm việc với các tổ chức khác là uỷ viên của tiểu ban.
- Vận động chính sách và áp dụng các cách làm tốt của tổ chức chính phủ, phi chính phủ vào chính sách của quốc gia có thể được thực hiện một cách hiệu quả thông qua việc xây dựng mạng lưới theo ngành dọc.

7.3 Tại cấp tỉnh: Ban chỉ đạo tỉnh - Tỉnh Vân Nam Trung Quốc

Cơ cấu của ban chỉ đạo cấp tỉnh và huyện của dự án phòng chống BBPNTE ở tỉnh Vân Nam, Trung Quốc gần giống với Tiểu ban xoá bỏ BBPNTE ở Thái Lan. Thành viên của Ban chỉ đạo bao gồm đại diện của toàn bộ các cơ quan chính phủ có liên quan (xem chi tiết trong phần trước). Trưởng ban chỉ đạo là Chủ tịch Liên đoàn phụ nữ tỉnh Vân Nam, một tổ chức quần chúng. Ưu điểm so sánh của cơ cấu như vậy là phạm vi quyền hạn rõ ràng. Việc xây dựng mạng lưới và phối hợp theo ngành dọc từ cấp tỉnh đến huyện, đến nông thôn, thị trấn và cộng đồng thôn bản được tổ chức tốt. Phạm vi rõ ràng và sự liên kết rất quan trọng đối với “mạng lưới” và việc xây dựng mạng lưới.

Các yếu tố thành công:

- Cơ cấu về mặt chính trị và cam kết chính trị của chính phủ và các thành viên.
- Mỗi thành viên có nhiệm vụ, mục tiêu và kế hoạch hoạt động rõ ràng.
- Mạng lưới theo ngành dọc là có hiệu quả vì nó được xây dựng từ cấp tỉnh đến huyện, xuống tới nông thôn, thị trấn và cộng đồng thôn bản. Việc thông tin liên lạc vẫn được duy trì cùng với cơ cấu hiện có này.
- Sự phối hợp theo ngành dọc có thể dẫn đến việc ủng hộ về mặt chính sách, đưa những thực tiễn tốt vào trong chính sách ở các cấp.

7.3 Cấp tỉnh: Tổ công tác tỉnh Chiang Mai (Thái Lan) điều phối công tác Bảo vệ quyền trẻ em

Đây là một mô hình tổ công tác đa ngành bảo vệ quyền trẻ em, bao gồm cả bảo vệ phòng chống buôn bán phụ nữ trẻ em. Mô hình được bắt đầu từ những trường hợp lạm dụng trẻ em cụ thể trong một cộng đồng, và cam kết của một số cơ quan chính phủ địa phương và tổ chức phi chính phủ, những cơ quan tổ chức này đã bắt đầu hợp tác với nhau mà không có khoản ngân sách nào cả. Kể từ năm 1998, tổ công tác đã tổ chức họp định kỳ hàng tháng để chia sẻ thông tin và lên kế hoạch cùng hoạt động. Vì ngay từ đầu đã không có kinh phí nên tất cả mọi thành viên đều phải đóng góp. Tham gia tổ công tác có các nhà công tác xã hội, nhà tâm lý học, nhà xã hội học, tư vấn, cảnh sát, luật sư, bác sĩ, y tá, chướng lý.

Các yếu tố thành công:

- Được bắt đầu với “ý chí” và sự tự nguyện hơn là “ngân sách” và “nghĩa vụ”.
- Có sự hỗ trợ của nhà nước về cơ sở vật chất và nguồn lực (địa điểm, cán bộ, cơ sở vật chất).
- Có một trung tâm điều phối rõ ràng cùng với cán bộ có tâm huyết.
- Có kế hoạch hoạt động chung rõ ràng.
- Các thành viên trong mạng lưới biết rất rõ nhau và cũng đã và đang hợp tác với nhau trong một số lĩnh vực khác.
- Mô hình đơn giản, ít tốn kém và có thể nhân rộng ở các địa phương khác (như Chiangrai).

7.5 Cấp huyện – Thái Lan: Trung tâm mạng lưới bảo vệ quyền trẻ em huyện Maesai

Ban quản lý bao gồm 30 thành viên đại diện cho các cơ quan nhà nước ở địa phương và tổ chức phi chính phủ, bao gồm phần lớn giáo viên của các trường trung học và một số trường tiểu học quan trọng. Nhiệm vụ của ban là xây dựng chính sách, đề cương hướng dẫn và kế hoạch hành động cho trung tâm cùng với ban giám đốc và thực hiện kế hoạch hành động; Xây dựng một hệ thống và mô hình làm việc của trung tâm; nâng cao hiệu quả hỗ trợ cho trẻ em bị lạm dụng và giúp quần chúng hiểu biết về vấn đề này.

Hiện nay trung tâm đã được thành lập và đang hoạt động. Các hoạt động và dịch vụ của trung tâm bao gồm:

- Trung tâm đường dây nóng 24/24 tại cấp huyện về các trường hợp lạm dụng trẻ em
- Ngăn ngừa, bảo vệ và phục hồi cho nạn nhân
- phối hợp với cơ quan nhà nước, tổ chức phi chính phủ và các bên có liên quan để bảo vệ trẻ em
- thiết lập hệ thống dữ liệu về tình hình, khó khăn và số liệu thống kê để hỗ trợ cho trẻ em
- sử dụng dữ liệu để xây dựng chính sách và nâng cao nhận thức cho người dân
- chia sẻ thông tin với các tỉnh, khu vực khác, bao gồm cả các nước ở tiểu vùng Mêkông.

Các yếu tố thành công:

- Điểm mạnh của trung tâm là có sự tham gia của mọi cơ quan nhà nước có liên quan và mạng lưới của 19 tổ chức phi chính phủ trong địa bàn huyện;
- Có sự lãnh đạo tốt của cán bộ đứng đầu cơ quan hành chính ở huyện và một lãnh đạo của tổ chức phi chính phủ, đại diện cho hai khu vực chiếm ưu thế;
- Quy mô của huyện có thể quản lý được. Tất cả mọi thành viên đều biết rõ về nhau và cùng nhau làm việc trong nhiều lĩnh vực khác. Công tác phòng chống BBPNTÉ được lồng ghép và không được coi như là “thêm vào” công việc thông thường, mà là một phần thiết yếu của công việc và nhiệm vụ thông thường;
- Mạng lưới được bắt đầu với cam kết là đáp ứng với những khó khăn, chứ không phải với “dự án”;
- Mạng lưới có mục tiêu rõ ràng.

7.6 Cấp địa phương - Mạng lưới tại cộng đồng địa phương: Northnet, Thái Lan

Northnet là một “mạng lưới” của các tổ chức phi chính phủ và các dự án tại miền Bắc Thái Lan. Các vấn đề có liên quan bao gồm từ huy động cộng đồng, trồng trọt kết hợp, canh tác tự nhiên đến doanh nghiệp cộng đồng, môi trường, HIV/AIDS, phát triển phụ nữ và trẻ em. Dự án phòng chống BBPNTÉ được dự án phòng chống BBPNTÉ của ILO hỗ trợ, hoạt động tại 5 thôn của 2 xã thuộc huyện Mae-ai và Fang và tại Chiang Mai ở vùng biên giới với Myanmar. Northnet đang triển khai dự án này cùng với 3 tổ chức phi chính phủ. Ba tổ chức này hỗ trợ kỹ thuật cho cộng

đồng và trẻ em. Tổ chức thứ nhất hỗ trợ về đào tạo kỹ năng, tổ chức thứ hai hỗ trợ huy động tiết kiệm và vốn cộng đồng và tổ chức thứ ba hỗ trợ về huy động cộng đồng. Ưu điểm so sánh của Northnet là nó đóng vai trò xúc tác và hỗ trợ. Northnet không chỉ thúc đẩy việc xây dựng mạng lưới với các tổ chức phi chính phủ khác, mà còn giữa các cộng đồng, cán bộ chủ chốt trong cộng đồng. Điều quan trọng nhất là Northnet là tổ chức phi chính phủ chính tham gia tích cực vào việc lập kế hoạch và phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.

Các yếu tố thành công:

- Cán bộ làm việc tận tâm, tự nguyện và phối hợp hoạt động với các “thành viên” hay tất cả các bên có liên quan khác, bao gồm cả đối tác của họ, khối liên minh, cơ quan nhà nước, tổ chức phi chính phủ. Hầu hết các điều phối viên có nhiều năm kinh nghiệm thực tế trong những vấn đề này và họ biết cách phối hợp các vấn đề có liên quan.
- Northnet chuyển dần từ việc thực hiện sang điều phối và thúc đẩy quá trình học hỏi, từ việc quản lý các dự án sang thúc đẩy quá trình quản lý kiến thức do Northnet nhận thức được tiềm năng của người dân địa phương và cộng đồng, hay của nhóm thanh niên địa phương, và nhận thức được rằng họ chỉ cần có thêm cơ hội để học hỏi và phát triển tiềm năng của mình.
- Northnet là một ví dụ tốt về cách nâng cao nhận thức cho các tổ chức ở địa phương và cách sử dụng nguồn lực sẵn có ở địa phương, điều này sẽ đảm bảo tính hiệu quả và bền vững.
- Northnet hoạt động trong một phạm vi địa lý hạn chế và mang tính thực tế.

8 Những khó khăn chung mà các mạng lưới thường gặp

- *Thiếu mục tiêu rõ ràng.* Các mạng lưới có thể bị lôi kéo theo lợi ích của những cá nhân hay tổ chức chiếm ưu thế.
- *Sự không bình đẳng giữa các thành viên.* Một số cá nhân và tổ chức có thể chi phối mạng lưới. Khi những người có ý kiến đối lập gặp nhau, họ có thể làm ảnh hưởng đến cuộc họp và gây ra tranh cãi về ý tưởng, phương pháp hay kỹ thuật. Điều này có thể làm cho những người cảm thấy bị đối xử không công bằng hay đơn giản là cảm thấy chán nản rút lui khỏi mạng lưới.
- *Sự lấn át.* Mạng lưới có thể dễ bị lấn át bởi các tổ chức, nhóm sở thích, sự thuyết phục về mặt chính trị hay những ảnh hưởng gây chia rẽ khác, điều này có thể làm cho các cá nhân hay các nhóm riêng biệt bị cô lập.
- *Sự tập trung quyền lực và quan liêu.* Tập trung quyền lực xảy ra khi một điều phối viên, ban thư ký, ban chỉ đạo của mạng lưới bắt đầu kiểm soát và điều hành mạng lưới vì lợi ích riêng của họ hơn là điều phối và thúc đẩy các hoạt động của thành viên. Điều này thường được kết hợp với việc chi phối mạng lưới có liên quan tới ban thư ký, tổ chức chủ nhà hay ban chỉ đạo. Nguy cơ của sự tập trung quyền lực là nếu điều phối viên hay ban thư ký mạng lưới không hoạt động thì toàn bộ mạng lưới cũng có thể ngừng hoạt động.
- *Thiếu sự tin tưởng.* Điều này ngăn cản việc chia sẻ cởi mở thông tin.
- *Thiếu quyền hạn để có thể đại diện cho tổ chức.* Một số thành viên cử đại diện không có đủ thẩm quyền để có thể thay mặt cho cơ quan của mình đưa ra những cam kết hay sự tham gia của họ không được bao gồm trong bản mô tả công việc, làm cản trở việc cam kết, thúc đẩy và hợp tác có hiệu quả.
- *Thiếu nguồn lực.* Trừ khi mạng lưới có một nguồn ngân sách cụ thể để hỗ trợ cho việc đi lại, nếu không thì chỉ có những cá nhân hay tổ chức dồi dào tiềm lực mới có thể tham gia vào các hoạt động một cách thường xuyên.
- *Thực tế về sự khác biệt.* Chỉ có những người được tiếp cận dễ dàng với máy vi tính và thư điện tử mới có thể tham gia vào nhóm thảo luận điện tử. Mặc dù công nghệ thư điện tử đang phát triển nhanh chóng nhưng những người sử dụng nó chủ yếu vẫn là cán bộ trong các tổ chức đặc quyền và các nhóm thư điện tử có khuynh hướng là những người phát triển trong xã hội - thường cách xa so với những thực tế ở thôn bản.
- *Sự vận động nguồn lực.*
- *Thông tin sai lệch trong mạng lưới.*
- *Sự cạnh tranh.* Mạng lưới có thể bị ảnh hưởng bởi sự cạnh tranh từ các mạng lưới hay tổ chức khác có chương trình hoạt động chồng chéo nhau. Việc này có thể tạo ra sự hợp tác mang tính sáng tạo nhưng cũng có thể dẫn đến sự cạnh tranh do nguồn lực hạn chế và địa vị hội viên.

- *Sự can thiệp của cơ quan tài trợ.*
- *Giám sát và đánh giá.* Đây là một vấn đề khó do bởi bản chất của nó, các mạng lưới có khuynh hướng hoạt động không chính thức với cơ cấu lỏng lẻo, muốn chú trọng vào tiến độ tương lai chứ không phải vào kinh nghiệm trong quá khứ. Thậm chí cả những mạng lưới có tổ chức và tập trung quyền lực cao cũng thấy khó xác định những tiêu chí thành công đáng tin cậy cho mạng lưới và định lượng được hiệu quả và lợi ích của việc xây dựng mạng lưới.
- *Những trở ngại về mặt chính trị.* Các mạng lưới trong nước và quốc tế phải hoạt động trong khuôn khổ tình hình chính trị thực tế của một nước hay của khu vực. Tại một số nước, việc trao đổi thông tin được kiểm tra và mọi thư từ, bản tin, chuyến đi thực địa và tham dự hội nghị đều cần phải được chính phủ thông qua. Việc không khoan dung những lời chỉ trích cũng phổ biến, làm cho các mạng lưới khó ủng hộ cho những chính sách mới hướng tới phát triển.

Tài liệu tham khảo

Để có thêm thông tin, xin vui lòng tham khảo tài liệu sắp xuất bản của ILO-IPEC có tên: *Xây dựng mạng lưới và điều phối để phòng chống buôn bán phụ nữ và trẻ em*.